

Số: /KH-UBND

Trà Giang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu Giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Trà Giang

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND xã Trà Giang khóa I, Kỳ họp thứ 5 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Trà Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Trà Giang về việc Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo định kỳ cuối năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Trà Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 127/TTr-PKT ngày 2/5/2026. UBND xã ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu Giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn xã, với những nội dung sau:

I. Thực trạng nghèo đến cuối năm 2025 trên địa bàn xã Trà Giang

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Trà Giang: toàn xã có 5.447 hộ dân cư; trong đó 66 hộ nghèo, chiếm 1,21% tập trung tại 17/18 thôn (thôn Đá Bàn không còn hộ nghèo) và 49 hộ cận nghèo, chiếm 0,9% tập trung tại 17/18 thôn (Thôn 3 không còn hộ cận nghèo), tỷ lệ nghèo đa chiều là 2,11%.

- Về cơ cấu nhóm hộ:

+ Hộ nghèo là người dân tộc thiểu số có 13 hộ, chiếm 19,69%;

+ Hộ nghèo không có khả năng lao động có 47 hộ, 71,21%.

+ Hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số có 13 hộ, chiếm 26,53%;

+ Hộ cận nghèo không có khả năng lao động có 26 hộ, chiếm 53,06%.

- Về nguyên nhân nghèo (08 nhóm nguyên nhân):

+ Hộ nghèo: Không có đất sản xuất: 27 hộ (40,9%); Không có vốn sản xuất: 27 hộ (40,9%); Không có lao động: 28 hộ (42,42%); Không có công cụ hoặc phương tiện sản xuất: 05 hộ (7,57%); Không có kiến thức về sản xuất: 05 hộ

(7,57%); Không có kỹ năng lao động sản xuất: 11 hộ (16,66%); Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn... : 57 hộ (86,36%);

+ Hộ cận nghèo: Không có đất sản xuất: 20 hộ (40,81%); Không có vốn sản xuất: 28 hộ (57,14%); Không có lao động: 9 hộ (18,36%); Không có công cụ hoặc phương tiện sản xuất: 02 hộ (4,08%); Không có kiến thức về sản xuất: 04 hộ (8,16%); Không có kỹ năng lao động sản xuất: 9 hộ (18,63%); Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn... : 29 hộ (59,18%); Nguyên nhân khác: 04 hộ (8,16%).

- Theo 06 chiều với 12 chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản:

+ Hộ nghèo còn thiếu hụt cao ở các chỉ số: Chất lượng nhà ở 43 hộ (65,15%); Sử dụng dịch vụ viễn thông 42 hộ (63,63%); Việc làm 37 hộ (56,06%); Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin 30 hộ (45,45%); Người phụ thuộc trong hộ gia đình 19 hộ (28,78%);

+ Hộ cận nghèo, thiếu hụt cao nhất tập trung ở: Việc làm 28 hộ (57,14%); Sử dụng dịch vụ viễn thông 15 hộ (30,61%); Người phụ thuộc trong hộ gia đình 14 hộ (28,57%); Diện tích nhà ở bình quân 10 hộ (20,40%)

Thực trạng trên cho thấy hộ nghèo của xã mang tính đa chiều, cơ cấu nghèo không chỉ thiếu hụt về thu nhập mà còn thiếu hụt sâu về chất lượng nhà ở, việc làm, khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản. Do đó, Kế hoạch thực hiện mục tiêu Giảm nghèo năm 2026 cần nâng cao năng lực tạo thu nhập và giảm mức độ thiếu hụt từng chiều dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm hỗ trợ đúng nhu cầu, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo thường xuyên; thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới.

2. Yêu cầu

Tăng cường trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn kinh phí được phân bổ. Thực hiện giảm nghèo theo hướng bền vững, thực chất, không chạy theo thành tích; ưu tiên tập trung nguồn lực hỗ trợ các hộ có khả năng thoát nghèo bền vững; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu cụ thể:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã từ 1,21% xuống dưới 0,9%, tỷ lệ hộ cận nghèo toàn xã từ 0,9% xuống dưới 0,7% vào cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, trong đó: thôn Đá Bàn duy trì không còn hộ nghèo, Thôn 3 duy trì không còn hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 1,6%. Cụ thể như sau:

TT	Thôn	Tổng số hộ dân cư	Kết quả năm 2025		Kế hoạch năm 2026			
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
					Số hộ giảm	Số hộ còn lại	Số hộ giảm	Số hộ còn lại
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)-(4)	(6)	(7)=(3)-(6)
1	Thôn 1	612	6	3	2	4	1	2
2	Thôn 2	191	4	1	1	3	-	1
3	Thôn 3	416	2	-	1	1	-	-
4	Thôn 4	337	1	2	-	1	1	1
5	Thôn 6	216	3	4	1	2	1	3
6	Thôn 7	128	2	2	1	1	1	1
7	Thôn Đá Sơn	166	2	1	1	1	-	1
8	Thôn Đá Bàn	199	-	4	-	-	1	3
9	Thôn An Tây	377	3	3	1	2	1	2
10	Thôn An Cư	317	4	3	1	3	1	2
11	Thôn An Nhơn	420	6	5	1	5	1	4
12	Thôn An Lạc	380	4	2	1	3	1	1
13	Thôn An Tráng	309	6	2	2	4	1	1
14	Thôn An Hòa Bắc	445	7	5	2	5	1	4
15	Thôn An Hòa Nam	410	3	2	1	2	1	1
16	Thôn An Tân	125	2	2	1	1	1	1
17	Thôn Phú Thọ 1	242	5	4	1	4	1	3
18	Thôn Phú Thọ 2	157	6	4	1	5	1	3
Tổng cộng		5.447	66	49	20	47	15	34
Tỷ lệ hộ nghèo (%)			1,21			0,86		
Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				0,90				0,62
Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)			2,11		1,48			

* Ghi chú: Chỉ tiêu có thể điều chỉnh phù hợp thực tế của từng thôn

2. Các mục tiêu khác:

(1) Chiều thiếu hụt về dịch vụ việc làm:

100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

(2) Chiều thiếu hụt về giáo dục và đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 100%.

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

(3) Chiều thiếu hụt về y tế:

+ 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia BHYT;

+ Không có trẻ em dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi.

(4) Chiều thiếu hụt về nhà ở:

Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Kế hoạch của Ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát xã.

(5) Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:

+ 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

+ Ít nhất 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

(6) Chiều thiếu hụt về thông tin:

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

IV. Nội dung thực hiện:

1. Đối với các chính sách giảm nghèo thường xuyên:

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo thường xuyên đến người dân, đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ chính sách khác được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo quy định (*chính sách dạy nghề, tạo việc làm; tín dụng ưu đãi; hỗ trợ về giáo dục, đào tạo; y tế; nhà ở; điện; nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường; trợ giúp pháp lý cho người nghèo, cận nghèo*).

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

2.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Triển khai mô hình hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm có thu nhập tốt cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, nguyên liệu sản xuất; tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với nhu cầu cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên và các thôn tổ chức thực hiện.

2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; tập huấn, tư vấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi...; Phát triển sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên và các thôn tổ chức thực hiện.

2.2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Nội dung thực hiện

+ Khảo sát đánh giá tình trạng trẻ em SDD trẻ em <16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo.

+ Truyền thông, tư vấn hướng dẫn trình diễn thức ăn cho bà mẹ có con < 2 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo.

+ Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ <16 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo.

+ Bổ sung sắt cho trẻ em gái vị thành niên 12-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo

+ Theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả hoạt động.

- Đơn vị thực hiện: Trạm y tế chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên và các thôn tổ chức thực hiện.

2.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

2.3.1. Tiểu dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo

Phối hợp các đơn vị liên quan tuyên truyền người lao động tham gia mô hình giáo dục nghề nghiệp gắn kết với doanh nghiệp, hợp tác xã để nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

2.3.2. *Tiểu dự án 3 Hỗ trợ việc làm bền vững:* Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, các doanh nghiệp cung cấp thông tin thị trường lao động trong nước và ngoài nước, đa dạng hóa các hoạt động kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Văn hóa xã hội xã chủ trì, phối với các các cơ quan, đơn vị có liên và các thôn tổ chức thực hiện.

2.4. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở hiện có cho 02 hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², ” 3 cứng” (nền cứng, khung-tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh tế chủ trì, phối với các cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn tổ chức thực hiện

2.5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

2.5.1. Tiểu dự án 1 Giảm nghèo về thông tin

Tham gia các lớp nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông, gồm: Nâng cấp, cập nhật nội dung chương trình, tài liệu, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, truyền.

2.5.2. *Tiểu dự án 2 Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm các ban, ngành, đoàn thể và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay về công tác giảm nghèo. Cung cấp thông tin, tài liệu về chương trình giảm nghèo tới toàn thể Nhân dân trên địa bàn xã. Đăng tin bài về chương trình giảm nghèo trên Trang thông tin điện tử xã.

Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông, định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm cung ứng dịch vụ công chủ trì, phối với các cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn tổ chức thực hiện.

2.6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

2.6.1. *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*

- Tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối với các cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn tổ chức thực hiện.

2.6.2. *Tiểu dự án 2 Giám sát, đánh giá:*

- Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo, đánh giá thực hiện kế hoạch gồm: chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các Biểu mẫu; kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch; đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết); rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình hằng năm; tổ chức đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ; ứng dụng phần mềm quản lý dữ liệu hộ nghèo

- Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh tế xã, Ủy ban MTTQ xã chủ trì, phối với các cơ quan, đơn vị liên quan và các thôn tổ chức thực hiện

V. Kinh phí thực hiện:

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương, nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền nhằm huy động

cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo

a) Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương:

Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, xem công tác giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; đưa chỉ tiêu giảm nghèo vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, phân công rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, bảo đảm thống nhất từ xã đến thôn.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội, huy động vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, giám sát; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực tham gia hỗ trợ hộ nghèo.

b) Tăng cường quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách giảm nghèo:

Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức thực hiện, triển khai các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo tại cơ sở; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong quá trình thực hiện, bảo đảm chính sách được triển khai đúng quy định, đúng đối tượng, hiệu quả và minh bạch.

2. Nâng cao ý thức tự giác thoát nghèo của hộ nghèo, người nghèo

Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và tinh thần tự giác vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, hộ cận nghèo; tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tín dụng ưu đãi; phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến và phong trào “tự nguyện đăng ký thoát nghèo”, góp phần từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và nâng cao thu nhập:

Tổ chức triển khai hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia; ưu tiên các dự án liên kết sản xuất gắn với chuỗi giá trị; khuyến khích ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đổi mới phương thức sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng địa phương; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

b) Hỗ trợ đào tạo nghề:

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp theo hướng hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động là người dân tộc thiểu số gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

c) *Hỗ trợ giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài:*

Tổ chức triển khai các hoạt động phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động thông qua các phiên giao dịch việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân tộc thiểu số; hỗ trợ người lao động tiếp cận thông tin thị trường lao động, chính sách việc làm và các nguồn vốn vay tạo việc làm theo quy định.

d) *Hỗ trợ tiếp cận tín dụng ưu đãi:*

Triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định; tạo điều kiện để người dân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và cải thiện đời sống.

4. Hỗ trợ khẩn cấp và phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế phát sinh nghèo, tái nghèo:

Thường xuyên rà soát, phát hiện sớm các hộ có nguy cơ rơi vào nghèo hoặc tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, bệnh nặng, hỏa hoạn, mất việc làm và các rủi ro bất khả kháng khác để kịp thời áp dụng chính sách hỗ trợ khẩn cấp theo quy định. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 36 tháng theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng.

VII. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Kinh tế:

a) Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đoàn thể và Trưởng thôn tổ chức thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất. Phân bổ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Trung ương, của Tỉnh, của xã đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch và đạt chỉ tiêu đề ra; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026 và báo cáo theo quy định.

d) Chủ trì, thực hiện các Dự án, tiểu dự án theo nội dung Kế hoạch.

2. Trung tâm cung ứng Dịch vụ công:

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa về công tác giảm nghèo; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả; tuyên truyền về kết quả hoạt động giảm nghèo, thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

b) Chủ trì, thực hiện các Dự án, tiểu dự án theo nội dung Kế hoạch.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội xã:

a) Kịp thời giới thiệu các mô hình giảm nghèo hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

b) Phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu Chủ tịch UBND xã khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn xã năm 2026 đảm bảo theo quy định.

c) Chủ trì, thực hiện các Dự án, tiểu dự án theo nội dung Kế hoạch.

4. Trạm y tế xã:

a) Thực hiện khám chữa bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

b) Chủ trì, thực hiện các Dự án, tiểu dự án theo nội dung Kế hoạch.

5. Các trường học trên địa bàn:

Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo đối với học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện hành; có giải pháp duy trì trường đạt chuẩn quốc gia.

6. Văn phòng HĐND và UBND:

Hướng dẫn các chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã. Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực tư pháp cho người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Tư Nghĩa:

Chủ trì triển khai các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định; bảo đảm nguồn vốn cho vay được bố trí đầy đủ, giải ngân kịp thời, đúng đối tượng, đúng mục đích. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội của xã nhận ủy thác trong việc bình xét, xác nhận đối tượng vay vốn và các dịch vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQVN xã:

Phát động vận động xây dựng quỹ “Vì người nghèo”, vận động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo vươn lên thoát nghèo. Tổ chức giám sát các hoạt động thực hiện các chính sách, dự án về giảm nghèo; giám sát, đánh giá việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, có sự tham gia của người dân.

9. Đề nghị các Hội, đoàn thể xã:

Hướng dẫn quy trình thủ tục và tạo điều kiện cho các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, các đối tượng chính sách xã hội, học sinh, sinh viên, hộ đồng bào dân tộc thiểu số,... tiếp cận thuận lợi nguồn vốn vay, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả. Phối hợp triển khai, thực hiện các chương trình giảm nghèo, tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tham gia phát triển kinh tế, đăng ký thoát nghèo.

10. Trách nhiệm của các thành viên Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xã:

Các thành viên trong Ban chỉ đạo được phân công phụ trách các thôn triển khai thực hiện các biện pháp và huy động các tổ chức, cá nhân theo dõi giúp đỡ hộ thoát nghèo đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra.

11. Các Trưởng thôn:

Xác định giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của thôn. Trưởng thôn chịu trách nhiệm trước UBND cấp trên về kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo được giao; đưa kết quả giảm nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể, cá nhân có liên quan.

Thường xuyên rà soát, nắm bắt phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn quản lý; Theo dõi mức thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo và biến động liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đặc biệt quan tâm xác định nguyên nhân nghèo để có giải pháp cụ thể hỗ trợ hộ nghèo, hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

12. Chế độ báo cáo:

Theo nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị, các thôn và đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý (*trước ngày 20 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 20 tháng 6*), báo cáo năm (*trước ngày 15/12/2026*) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu về UBND xã để tổng hợp, tham mưu báo cáo các cơ quan cấp tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026 của UBND xã Trà Giang, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, các Trưởng thôn thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở NN và MT tỉnh;
- Chi cục PTNT tỉnh;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- UBMTTQVN và các Hội đoàn thể;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Phòng giao dịch Chi nhánh NHCSXH Tư Nghĩa;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Sinh Quân